**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết**  (Số câu) | | **Thông hiểu**  (Số câu) | | **Vận dụng**  (Số câu) | | **Vận dụng cao**  (Số câu) | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc** | Văn bản nghị luận  (Ngoài SGK) | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 60 |
| **2** | **Viết** | Viết văn  bản nghị luận về tác phẩm (truyện) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1 | 40 |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***15%*** | ***25%*** | ***0*** | ***20%*** | ***0*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tổng % điểm** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Văn bản nghị luận  (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được luận đề chính trong văn bản.  - Nhận biết được luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.  - Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Xác định được được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản.  - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết.  - Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hóa để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân. | 3TN | 4TN  1TL | 2TL | 0 | 10 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Viết văn  bản nghị luận về tác phẩm (truyện) | **Nhận biết**:  - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả và tác phẩm truyện; ý kiến đánh giá khái quát về tác phẩm.  **Thông hiểu**:  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  + Nêu được và phân tích được nội dung chính và chủ đề của tác phẩm.  + Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...). Tập trung làm rõ một số yếu tố nghệ thuật của tác phẩm truyện.  - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lý lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình/không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | | **100** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

**Sức gợi tả của hình ảnh trong bài thơ Thu điếu (*Nguyễn Khuyến*)**

Mở đầu bài thơ, tác giả đã cho thấy một cảnh câu cá với ao thu và thuyền câu.

Chiếc thuyền bé tẻo teo làm cho ao trở nên rộng:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.*

Nhưng cái đáng chú ý trong cảnh này là không khí “lạnh lẽo” của mùa thu và làn nước “trong veo”, gợi ra một khung cảnh thật tinh khiết. Cả ao và thuyền như chỉ gợi ra cảnh câu cá, đúng hơn là một biểu trưng câu cá, tưởng như cảnh câu cá xinh xắn giữa một hòn non bộ nào. Nghĩa là nước trong, thuyền bé, gợi ra một cái thú chơi thanh tao, thoát tục, chứ không phải cuộc làm ăn kiếm lợi của ngư ông.

Phong cảnh ao thu thật tươi tắn và yên tĩnh:

*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,  
Là vàng trước gió khẽ đưa vèo.*

Hai câu thơ dùng nét động để miêu tả cảnh tĩnh.

“Sóng biếc” tương phản với “lá vàng” làm cho màu sắc sáng tươi, nổi bật, mĩ lệ.

Nhưng đáng chú ý hơn là không khí vắng lặng như ngự trị không gian. Sóng biếc theo làn gió nhẹ chỉ hơi gợn một tí, một cái gợn rất mơ hồ, phải chú ý lắm mới thấy rõ. Có lẽ do thuyền câu bất động. Còn chiếc lá vàng rơi vừa khẽ, vừa nhanh (“khẽ đưa vèo”), không gây được một xao động nhỏ nào trong cái tĩnh mịch chung quanh.

*Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,  
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.*

“Tầng mây lơ lửng” ở giữa trời, chứng tỏ trời trong xanh, yên tĩnh cao vút thăm thẳm như mở ra chiều cao sâu vô tận. “Ngõ trúc quanh co’, chứng tỏ ngõ dài, uốn khúc, có chiều sâu và vẫn “vắng teo”. Cả hai chiều không gian cao, rộng đều vắng lặng hầu như tuyệt đối.

“Khách” là người khác, đối lại với chủ. “Khách vắng teo” là biểu trưng cho khung cảnh thanh tao, thoát tục như trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm: “*Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ/ Người khôn, người đến chốn lao xao*”. “Khách vắng teo” chứng tỏ ông câu cá hình như hoàn toàn làm chủ khung cảnh nên thơ, vắng lặng của mình. [...]

(Trần Đình Sử, *Thu điếu* (trích), in trong *Đọc văn học văn*,

NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào?

A. Nghị luận xã hội

B. Nghị luận văn học

C. Văn bản thông tin

D. Văn bản văn học

**Câu 2.** Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?

1. Kể chuyện của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

B. Miêu tả hình ảnh ngư ông câu cá.

C. Giới thiệu nhà thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm.

D. Phân tích, đánh giá sức gợi tả của hình ảnh trong bài thơ “Thu điếu” (Nguyễn Khuyến) .

**Câu 3.** Theo em, mục đích chính của người viết trong đoạn trích trên là gì?

A. Chỉ ra cái hay về nội dung và nghệ thuật của bài thơ “Thu điếu” (Nguyễn Khuyến).

B. Ca ngợi thú câu cá- thú chơi thanh cao, thoát tục của nhà Nho Nguyễn Khuyến.

C. Chỉ ra cách miêu tả và giá trị biểu đạt của các hình ảnh trong bài thơ “Thu điếu” (Nguyễn Khuyến).

D. Thể hiện nỗi lóng của nhà thơ Nguyễn Khuyến qua bức tranh thiên nhiên mùa thu đồng bằng Bắc Bộ.

**Câu 4.** Câu nào có bằng chứng được người viết dẫn ra từ bài thơ?

A. *Mở đầu bài thơ, tác giả đã cho thấy một cảnh câu cá với ao thu và thuyền câu.*

B. “*Sóng biếc” tương phản với “lá vàng” làm cho màu sắc sáng tươi, nổi bật, mĩ lệ.*

C. *Cả ao và thuyền như chỉ gợi ra cảnh câu cá, đúng hơn là một biểu trưng câu cá, tưởng như cảnh câu cá xinh xắn giữa một hòn non bộ nào.*

D. *Nhưng đáng chú ý hơn là không khí vắng lặng như ngự trị không gian.*

**Câu 5.** Nội dung phân tích, đánh giá của đoạn trích được triển khai theo cách nào?

A. Kết hợp phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật theo bố cục các cặp câu đề - thực – luận của bài thơ.

B. Nội dung phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ được tách riêng nhau.

C. Phân tích, đánh giá về chủ đề bài thơ trước, sau đó người viết phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ.

D. Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ trước, sau đó phân tích, đánh giá về chủ đề bài thơ.

**Câu 6.** Câu nào trong bài viết nêu đúng cách phân tích dẫn chứng gắn với so sánh, liên hệ của người viết?

A. *Nhưng cái đáng chú ý trong cảnh này là không khí “lạnh lẽo” của mùa thu và làn nước “trong veo”, gợi ra một khung cảnh thật tinh khiết*

B. *Còn chiếc lá vàng rơi vừa khẽ, vừa nhanh (“khẽ đưa vèo”), không gây được một xao động nhỏ nào trong cái tĩnh mịch chung quanh*.

C. “*Khách vắng teo” là biểu trưng cho khung cảnh thanh tao, thoát tục như trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm: “Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ/ Người khôn, người đến chốn lao xao”.*

D. “*Tầng mây lơ lửng” ở giữa trời, chứng tỏ trời trong xanh, yên tĩnh cao vút thăm thẳm như mở ra chiều cao sâu vô tận.*

**Câu 7.** Ý nào nêu đúng nhất cách thức nêu bằng chứng của người viết trong văn bản trên?

A. Trích dẫn nguyên văn bài thơ “Thu điếu”

B. Trích dẫn các lời đánh giá liên quan tới bài thơ “Thu điếu”

C. Dẫn gián tiếp ý thơ

D. Trích dẫn nguyên văn các câu thơ, các cụm từ, từ, hình ảnh thơ

**Trả lời câu hỏi/Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8.** Xác định các ý chính được trình bày trong đoạn trích trên.

**Câu 9.** Nhận xét về những lí lẽ và dẫn chứng mà người viết sử dụng trong đoạn văn sau:

“Chiếc thuyền bé tẻo teo làm cho ao trở nên rộng:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.*

Nhưng cái đáng chú ý trong cảnh này là không khí “lạnh lẽo” của mùa thu và làn nước “trong veo”, gợi ra một khung cảnh thật tinh khiết. Cả ao và thuyền như chỉ gợi ra cảnh câu cá, đúng hơn là một biểu trưng câu cá, tưởng như cảnh câu cá xinh xắn giữa một hòn non bộ nào. Nghĩa là nước trong, thuyền bé, gợi ra một cái thú chơi thanh tao, thoát tục, chứ không phải cuộc làm ăn kiếm lợi của ngư ông.”

**Câu 10.** Em hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) nêu cảm nhận của em về một hình ảnh đặc sắc trong bài thơ *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến).

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện mà anh/ chị đã học và ấn tượng.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B. Nghị luận văn học | 0,5 |
| **2** | D. Phân tích, đánh giá sức gợi tả của hình ảnh trong bài thơ “Thu điếu” (Nguyễn Khuyến) | 0,5 |
| **3** | C. Chỉ ra cách miêu tả và giá trị biểu đạt của các hình ảnh trong bài thơ “Thu điếu” (Nguyễn Khuyến) | 0,5 |
| **4** | B. “Sóng biếc” tương phản với “lá vàng” làm cho màu sắc sáng tươi, nổi bật, mĩ lệ. | 0,5 |
| **5** | A. Kết hợp phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật theo bố cục các cặp câu đề - thực – luận của bài thơ. | 0,5 |
| **6** | C. “Khách vắng teo” là biểu trưng cho khung cảnh thanh tao, thoát tục như trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm: “*Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ/ Người khôn, người đến chốn lao xao*”. | 0,5 |
| **7** | D. Trích dẫn nguyên văn các câu thơ, các cụm từ, từ, hình ảnh thơ | 0,5 |
| **8** | Các ý chính được trình bày trong đoạn trích:  + Phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình ảnh trong hai câu đề: Không gian trong và lạnh của ao thu  + Phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình ảnh trong hai câu thực: dùng “động” tả “tĩnh”  + Phân tích, đánh giá nét đặc sắc về hình ảnh trong hai câu luận: các hình ảnh gợi mở không gian cao rộng, thanh vắng; liên hệ, so sánh làm rõ thêm sức gợi tả của hình ảnh.  *- Trả lời được đầy đủ như đáp án: 0,75 điểm*  *- Trả lời được 2 ý: 0,5 điểm*  *- Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm* | 0,75 |
| **9** | \***Các lí lẽ và bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn:**  - Một số lí lẽ để làm sáng tỏ sức gợi tả của hình ảnh trong bài thơ *Thu điếu:*  + Chiếc thuyền bé tẻo teo làm cho ao trở nên rộng  + không khí “lạnh lẽo” của mùa thu và làn nước “trong veo”, gợi ra một khung cảnh thật tinh khiết  + Cả ao và thuyền như chỉ gợi ra cảnh câu cá, đúng hơn là một biểu trưng câu cá + nước trong, thuyền bé, gợi ra một cái thú chơi thanh tao, thoát tục, chứ không phải cuộc làm ăn kiếm lợi của ngư ông.   * Bằng chứng: Trích bằng chứng trực tiếp là các câu thơ, từ ngữ có trong bài thơ:   *“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo/ Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo”,* “lạnh lẽo”, *“trong veo”,*  \***Nhận xét**: Các lí lẽ và bằng chứng đều tập trung làm sáng tỏ vấn đề nghị luận (sức gợi tả của hình ảnh trong bài thơ “Thu điếu”). Các lí lẽ, bằng chứng cụ thể hóa về sức gợi của hình ảnh trong hai câu đề của bài thơ.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Trả lời được đầy đủ như đáp án: 0,75 điểm*  *- Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm*  *- Trả lời sơ sài: 0,25 điểm/ ý* | 0,75 |
| **10** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:  **\*Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.  **\*Nội dung:** HS nêu cảm nhận về một hình ảnh đặc sắc trong bài thơ *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến): hình ảnh ao thu/ thuyền câu/ sóng biếc/ lá vàng/ tầng mây/ ngõ trúc/ ngư ông câu cá,...  *Hướng dẫn chấm:*  *- Đảm bảo hình thức, cảm nhận sâu sắc: 1,0 điểm*  *- Đảm bảo hình thức, cảm nhận còn sơ sài: 0,5 - 0,75 điểm*  *- Chưa đảm bảo hình thức, cảm nhận sơ sài: 0,25 điểm* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  |  | **Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện mà anh/ chị đã học và ấn tượng**. |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc:*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề*  Bàn luận để làm sáng tỏ chủ đề, nội dung chính và những đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm truyện. | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.  **Thân bài:**  - Ý 1: Nêu nội dung chính của tác phẩm.  + Nội dung của truyện là gì?  + Nội dung ấy được thể hiện như thế nào qua hệ thống nhân vật, sự kiện?  - Ý 2: Nêu chủ đề của tác phẩm.  (Lưu ý: Một tác phẩm có thể có một hoặc nhiều chủ đề)  - Ý 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  + Chỉ ra những đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện.  + Chỉ đi sâu khai thác, phân tích một số yếu tố nghệ thuật đặc sắc, tiêu biểu để bài viết không bị dàn trải, có chiều sâu.  **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Viết đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm – 2,5 điểm.*  *- Viết đầy đủ nhưng có ý còn chưa rõ: 1,25 điểm - 1,75 điểm.*  *- Viết chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,0 điểm.* | 2,5 |
| ***d. Chính tả, ngữ pháp***  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| ***e. Sáng tạo***  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com